

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 22-4-2021

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc H- Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 11/9/2020 và ngày 26/3/2021).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; trú tại: Số 160, tổ 7, ấp T, xã An Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1968; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Phi V, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng trú tại: Số 160, tổ 7, ấp T, xã An Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020, bổ sung ngày 27/11/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do trong quá trình lập hồ sơ bồi thường cho ông Nguyễn Văn K đã ghi nhầm diện tích đất giải tỏa $306,03m^2$ thành diện tích nhà. Diện tích nhà thực tế bị giải tỏa là $46,92m^2$, chênh lệch là $259,11m^2$ ($306,03m^2 - 46,92m^2 = 259,11m^2$), số tiền chênh lệch là 326.478.600 đồng ($259,11m^2 \times 1.260.000 \text{ đồng}/m^2 = 326.478.600 \text{ đồng}$), cụ thể như sau:

Quá trình lập hồ sơ bồi thường:

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 09/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Ngày 22/8/2011, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B phối hợp với UBND xã An Điền và Ban lãnh đạo ấp Tân Lập tổ chức lập Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản trên đất, xác định nguồn gốc đất đai đối với ông Nguyễn Văn K, trong đó:

+ Diện tích đất giải tỏa là: $306,03m^2$ ($30,3m \times 10,1m$)

+ Diện tích nhà giải tỏa là: $46,92m^2$ ($9,2m \times 5,1m$)

- Ngày 23/8/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất lập Biên bản bồi thường đất, nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu, với tổng số tiền: 562.163.110 đồng cho ông Khoa. Cụ thể như sau:

+ Đất đai: $306,03m^2 \times 150.000 \text{ đồng} = 45.904.500 \text{ đồng}$.

+ Nhà: $306,03m^2 \times 1.260.000 \text{ đồng} = 385.597.800 \text{ đồng}$.

+ Công trình phụ, vật kiến trúc: 11.856.290 đồng

+ Cây trái, hoa màu: 1.289.000 đồng.

+ Chính sách hỗ trợ: 117.515.520 đồng.

- Ngày 18/11/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 5630/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (*thu hồi $306,03m^2$ đất*).

- Ngày 13/12/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 6562/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn K để thực hiện Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 562.163.110 đồng (năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi ba nghìn một trăm mười đồng).

- Ngày 09/02/2012, ông Nguyễn Văn K đến Trung tâm Phát triển quỹ đất nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Quá trình quyết toán vốn đầu tư hoàn thành như sau:

- Ngày 07/9/2018, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2508/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Qua đó Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh đã thanh toán cho Trung tâm Phát triển quỹ đất như sau:

+ Giá trị hợp đồng	143.304.156.104 đồng
+ Giá trị đã thanh toán	143.302.136.104 đồng
+ Giá trị được chấp nhận quyết toán	142.973.888.008 đồng
+ Số tiền cấp phát thừa cần thu hồi	328.248.096 đồng

- Ngày 03/10/2018, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh có Công văn số 806/QLDA-TC-KH gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B đề nghị thu hồi do cấp phát thừa chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với số tiền: 328.248.096 đồng.

Kết quả rà soát hồ sơ của ông Nguyễn Văn K:

Giữa Biên bản số 204/BBKTHT lập ngày 22/8/2011 về việc kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác định nguồn gốc đất đai và Biên bản số 204/BBBT ngày 23/8/2011 về việc bồi thường đất, nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu có sai sót về diện tích nhà giải tỏa. Cụ thể như sau:

- Biên bản số 204/BBKTHT lập ngày 22/8/2011:

+ Diện tích nhà giải tỏa: $S = 9,2m \times 5,1m = 46,92m^2$

- Biên bản số 204/BBBT lập ngày 23/8/2011:

+ Diện tích nhà giải tỏa: $306,03m^2$

Căn cứ Công văn số 806/QLDA-TC-KH ngày 03/10/2018 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh về việc thu hồi cấp phát thừa chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B đã rà soát hồ sơ và có Báo cáo số 67/BC-TTPTQĐ ngày 11/10/2018; cụ thể như sau:

- Số tiền cấp phát thừa cần thu hồi: 328.248.096 đồng. Trong đó:

+ Số tiền đã thu hồi: 1.769.496 đồng

+ Số tiền chưa thu hồi: 326.478.600 đồng

- Lý do số tiền cấp phát thừa cần thu hồi: Sai sót trong quá trình lập hồ sơ bồi thường, cụ thể: Ghi nhầm diện tích nhà giải tỏa là $306,03m^2$.

Kết quả vận động ông Nguyễn Văn K:

Thực hiện Công văn số 2801/UBND-KT ngày 30/10/2018 của UBND thị xã Bến Cát về việc vận động ông Nguyễn Văn K để thu hồi lại số tiền cấp phát thừa là 326.478.600 đồng.

- Ngày 07/11/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B phối hợp với UBND xã An Điền mời ông K đến UBND xã để vận động, tuy nhiên ông Khoa không đến.

- Ngày 16/5/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất tiếp tục phối hợp với UBND xã An Điền mời ông K đến UBND xã để vận động, tuy nhiên ông K không đến.

- Ngày 21/8/2019, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 1378/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn K tại Quyết định số 6140/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Ngày 24/9/2019, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương tiếp tục có buổi làm việc và yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với địa phương vận động ông K thu hồi số tiền đã cấp phát thừa. Trong thời gian liên hệ với ông K, Ban Quản lý Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã linh động tìm nguồn kinh phí khác để nộp trả số tiền nói trên vào ngân sách Nhà nước đến hết ngày 31/12/2019.

- Ngày 17/10/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã phối hợp với UBND xã, UBMTTQVN xã An Điền mời ông K đến UBND xã để công bố và bàn giao Quyết định số 1378/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn K. Kết quả: ông Nguyễn Văn K không đến theo Giấy mời.

Do đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã B khởi kiện yêu cầu ông K, bà Võ Thị H và bà Nguyễn Thị Phi V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 326.478.600 đồng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã B.

2. Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã ra Thông báo tìm kiếm ông K, thông báo về việc thụ lý và giải quyết vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng; niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông K không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa, vắng mặt không có lý do. Ông K cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị H trình bày: Năm 2012, Nhà nước có hỗ trợ, bồi thường cho ông K số tiền tổng cộng là 562.163.110 đồng để nâng cấp, mở rộng lộ 7A, xã An Điền, huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Sau khi nhận tiền về thì ông K và bà H đã sử dụng số tiền nêu trên để chi tiêu trong gia đình và chia cho con. Nay

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã B khởi kiện yêu cầu ông K, bà H và bà V trả lại số tiền 326.478.600 đồng thì bà H có ý kiến như sau: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì: sau 08 năm mới phát hiện sai sót nên không có tiền để trả; đề nghị người nào làm sai thì người đó phải chịu trách nhiệm.

3.2. Bà Nguyễn Thị Phi V: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bà V không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa, vắng mặt không có lý do. Bà V cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án; bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị H, Nguyễn Thị Phi V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng ông K, bà H và bà V đều vắng mặt; việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà H và bà V.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K, bà H và bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 326.478.600 đồng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B với lý do là trong quá trình lập hồ sơ bồi thường công trình nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cho hộ ông Nguyễn Văn K đã ghi nhầm diện tích đất giải tỏa $306,03m^2$ thành diện tích nhà. Diện tích nhà thực tế bị giải tỏa là $46,92m^2$, chênh lệch là $259,11m^2$ ($306,03m^2 - 46,92m^2 = 259,11m^2$), số tiền chênh lệch là 326.478.600 đồng ($259,11m^2 \times 1.260.000 \text{ đồng}/m^2 = 326.478.600 \text{ đồng}$); ông K và bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến

của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; riêng bà H vắng mặt nhưng có lời khai trình bày ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi vì:

[3.1] Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác định nguồn gốc đất đai Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương số 204/BBKTHT ngày 22/8/2011 có chữ ký, ghi họ và tên của ông K và bà H thể hiện: Diện tích nhà của hộ ông K bị giải tỏa là $46,92 \text{ m}^2$ ($9,2\text{m} \times 5,1\text{m} = 46,92 \text{ m}^2$); diện tích đất bị giải tỏa là $306,03 \text{ m}^2$ ($30,3\text{m} \times 10,1\text{m} = 306,03 \text{ m}^2$). Như vậy, tổng số tiền hộ ông K được nhận có căn cứ pháp luật bao gồm:

+ Đất đai:	$306,03\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng} =$	45.904.500 đồng.
+ Nhà:	$46,92\text{m}^2 \times 1.260.000 \text{ đồng} =$	59.119.200 đồng.
+ Công trình phụ, vật kiến trúc:		11.856.290 đồng
+ Cây trái, hoa màu:		1.289.000 đồng.
+ Chính sách hỗ trợ:		117.515.520 đồng.
Tổng cộng:		235.684.510 đồng.

[3.2] Biên bản số 204/BBBT ngày 23/8/2011 về việc bồi thường đất, nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu ghi diện tích nhà thực tế bị giải tỏa là $306,03\text{m}^2$ nhằm lẫn với diện tích đất bị giải tỏa, từ đó UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 6562/QĐ-UBND ngày 13/12/2011, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn K với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 562.163.110 đồng là có sai sót. Số tiền đã chi nhầm lẫn, không có căn cứ pháp luật cho ông K là 326.478.600 đồng ($562.163.110 \text{ đồng} - 235.684.510 \text{ đồng} = 326.478.600 \text{ đồng}$) nên cần phải buộc hộ ông K trả lại số tiền nêu trên cho nguyên đơn.

[3.3] Phần đất liên quan đến công trình: Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00942.QSĐĐ/1400/QĐ-UB ngày 10/12/1999 cho hộ ông K. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông K gồm có ông Khoa (chủ hộ) và bà V (con của ông K và bà H). Biên bản xác minh ngày 20/4/2021 tại Công an thị xã Bến Cát thể hiện: Từ năm 2004 đến 2012 hộ ông K có 03 nhân khẩu bao gồm: Ông K, bà H và bà V. Bà H (vợ ông K) thừa nhận: Toàn bộ số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ mà ông K đã nhận được sử dụng để chi tiêu chung trong gia đình và chia cho con. Do đó, ông K, bà H và bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nêu trên cho Nhà nước, cụ thể là Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Buộc ông K, bà H và bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 326.478.600 đồng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169, khoản 4 Điều 281 và Điều 290 của Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc: “Đòi lại tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị H và bà Nguyễn Thị Phi V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 326.478.600 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K, bà Võ Thị H và bà Nguyễn Thị Phi V có nghĩa vụ liên đới nộp 16.323.930 đồng (mười sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm Nguyễn Kim Lý

Nguyễn Văn Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng Lương Thanh Nhàn

Nguyễn Văn Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,

-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến

